

Bản án số: 1728/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19/11/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Nhã - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị H, năm sinh: 1984; địa chỉ: 1380 đường T, phường T, quận B, Thành phố H; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1985; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh G; địa chỉ tạm trú: Số 1380 đường T, phường T, quận B, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2018, các bản tự khai, các biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà Huỳnh Thị H và ông Trần Ngọc K tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006). Vợ chồng chung sống có 02 con

chung tên là Trần Huỳnh Hồng N, sinh ngày 23/6/2007 và Trần Huỳnh Khánh V, sinh ngày 16/9/2017.

Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm đầu 2017 đến thời điểm hiện tại, nguyên nhân chủ yếu do bà H phát hiện ông K không chung thủy. Bà H đã nhiều lần khuyên ngăn để vợ chồng hòa hợp cùng xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Vợ chồng chung sống không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Cuộc sống chung không hạnh phúc, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung: Trần Huỳnh Hồng N, sinh ngày 23/6/2007 và Trần Huỳnh Khánh V, sinh ngày 16/9/2017; từ trước đến nay bà và ông K cùng với hai trẻ sống tại nhà của gia đình bà; các con đã quen với môi trường sống, đã ổn định về chỗ ở nên bà không muốn có sự thay đổi khác. Do đó, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà H khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Ngọc K đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông K không đến do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến và thu thập được chứng cứ từ ông K.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho đương sự theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định của pháp luật; thời hạn đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn có địa chỉ tại số 1380 đường T, phường T, quận B, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trần Ngọc K đang thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều vắng mặt không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Phiên tòa xét xử vụ án được mở vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 30/10/2018 và 08 giờ 30 phút ngày 19/11/2018, ông Trần Ngọc K đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do. Ngày 15/10/2018, nguyên đơn Bà Huỳnh Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K và bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị H và ông Trần Ngọc K chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà H trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng không thể tiếp tục chung sống; cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông K.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ....thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được....để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.”*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng. Trong đó, thông báo thụ lý; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Trên cơ sở xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung hiện tại của cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần triệu tập để hòa giải nhưng ông K không đến là không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 01 Điều 56 Luật

Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Huỳnh Hồng Nhung, sinh ngày 23/6/2007 và Trần Huỳnh Khánh Vân, sinh ngày 16/9/2017. Theo lời trình bày của bà H thì từ trước đến nay ông K, bà H sống cùng với hai con sống chung tại nhà của gia đình bà H; các cháu đã quen với môi trường sống, học tập nên bà không muốn sự thay đổi về chỗ ở cũng như môi trường sống. Mặt khác, trẻ N có nguyện vọng được ở với mẹ. Ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản bác về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của hai trẻ và để hạn chế sự thay đổi về môi trường sống nhằm đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý của các trẻ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà H. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà H khai hai bên không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm :

Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0029188 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1,3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trần Ngọc K. Giấy chứng nhận kết hôn số 141 quyển 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/2006 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Huỳnh Hồng N, sinh ngày 23/6/2007 và Trần Huỳnh Khánh V, sinh ngày 16/9/2017. Ghi nhận sự tự nguyện bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà H khai hai bên không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0029188 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Em